TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05/4/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Trọng Tâm.

2. Ông Lê Văn Tập.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 681/2021/TLST - HNGĐ ngày 01/11/2021, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXX-ST ngày 04/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Minh Tr; Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 00 X, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến D; Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 00 Tr, phường Th, thành phố B, Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án bà Huỳnh Thị Minh Tr trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Tiến D sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 03/9/2020 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố B. Sau khi cưới vợ chồng tôi chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặc dù bà đã cố gắng giàn xếp để gia

đình hòa thuận để cho các con có bố có mẹ. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không được cãi thiện. Đến ngày 15/7/2021 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không Đ nên bà và ông D đã ly thân nhau đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Xét tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự không Đ, mục đích hôn nhân không Đ. Do vậy bà Tr nộp đơn đến Tòa án xin được ly hôn ông Nguyễn Tiến D.

+ Tại bản Biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 12 năm 2021 ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Minh Tr sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2013 trên cơ tự nguyện. Đến ngày 03/9/2020 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố B. Sau khi cưới vợ chồng tôi chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cải nhau ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của con cái. Đến ngày giữa năm 2021 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được vợ chồng đã ly thân nhau đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Xét tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không Đ. Nên ông Nguyễn Tiến D có nguyện vọng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Tr.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Minh Tr và ông Nguyễn Tiến D cùng thừa nhận: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 02 người con chung là: Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/4/2014; cháu Nguyễn Ngọc Lưu L, sinh ngày 18/9/2020. Hiện nay cháu Đ đang sống với ông D, cháu L đang sống với bà Tr.

Nguyên vọng của bà Tr và ông D giao cháu Đ cho ông D nuôi dưỡng, giao cháu Ly cho bà Tr xin nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Tiến Đ có nguyện vọng xin được sống với bố là ông Nguyễn Tiến D.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh Tr vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Tiến D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Tiến D, quá trìnhgiải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Tiến D vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 72; Điều 203; Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh Tr:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Minh Tr ly hôn ông Nguyễn Tiến D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/4/2014 cho ông Nguyễn Tiến D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Ngọc Lưu L, sinh ngày 18/9/2020 cho bà Huỳnh Thị Minh Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Ly đủ tuổi thành niên. Các đương sự được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Minh Tr, ông Nguyễn Tiến D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Minh Tr, ông Nguyễn Tiến D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Minh Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh Tr đề ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về con chung" được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Huỳnh Thị Minh Tr khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Tiến D cư trú tại phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo để ông D đến Tòa án tham gia phiện họp, kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và phiên hòa giải,

nhưng ông D vắng mặt là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất ông D vắng mặt nên HĐXX đã Hoãn phiên tòa và tiếp tục tống Đ giấy báo tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho ông D. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Nguyễn Tiến D vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Huỳnh Thị Minh Tr vắng mặt – có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Minh Tr và ông Nguyễn Tiến D.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Minh Tr và ông Nguyễn Tiến D chung sống với nhau từ tháng năm 2014, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/10/2020. Như vậy, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn bà Tr, ông D chỉ sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Tr, ông D không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Từ những mâu thuẫn nhỏ ban đầu nhưng vợ chồng không tự dàn xếp được nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Đến giữa năm 2020 thì bà Tr, ông D sống ly thân nhau đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án cả ông D và bà Tr đều khẳng định do mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài không còn quan tâm nhau nữa nên ông D và bà Tr đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Như vậy, căn cứ vào lời khai của bà Huỳnh Thị Minh Tr và lời khai của ông Nguyễn Tiến D. HĐXX thấy rằng hôn nhân giữa ông D và bà Tr không có hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài bản thân ông D và bà Tr đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Do vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh Tr, cho bà Tr ly hôn ông Nguyễn Tiến D là phù hợp

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Minh Tr và ông Nguyễn Tiến D có hai người con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/4/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Lưu L, sinh ngày 18/9/2020. Hiện tại cháu Đ đang sinh sống với ông D còn cháu L đang sống với mẹ là bà Tr. Quá trình giải quyết vụ án bà Tr có nguyện vọng xin nuôi cháu L, còn ông D có nguyện vọng xin nuôi cháu Đ, bản thân cháu Đ cũng có nguyện vọng xin ở với bố là ông Nguyễn Tiến D. Xét việc ông D xin nuôi cháu Đ là hoàn toàn tự nguyện, bản thân cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với ông D, còn bà Tr có nguyện vọng xin được nuôi cháu L là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy HĐXX áp dụng các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình. Giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/4/2014 cho ông Nguyễn Tiến D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Ngọc Lưu L, sinh ngày 18/9/2020 cho bà Huỳnh Thị Minh Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên. Bà Tr, ông D được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Minh Tr và ông Nguyễn Tiến D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Minh Tr và ông Nguyễn Tiến D không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Huỳnh Thị Minh Tr phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình .

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Minh Tr ly hôn ông Nguyễn Tiến D.

- Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/4/2014 cho ông Nguyễn Tiến D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ tuổi thành niên.

+ Giao cháu Nguyễn Ngọc Lưu L, sinh ngày 18/9/2020 cho bà Huỳnh Thị Minh Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên.

Bà Tr, ông D được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Minh Tr và ông Nguyễn Tiến D không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Minh Tr và ông Nguyễn Tiến D không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Minh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0009821 ngày 25 tháng 10 năm 2021.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. Buôn Ma Thuột;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *UBND P. Thống Nhất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS +VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền